

Bản án số: 100/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 26/02/2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THANH HÓA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Ông Trịnh Trung Tuyển

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thanh Hóa tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 250/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2026/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị H**, sinh ngày: 14/03/1982; số định danh cá nhân: 038182012300; nơi ĐKKTT: Thôn A, xã T, tỉnh Thanh Hóa địa chỉ hiện tại: Thôn G, xã T, tỉnh Thanh Hóa Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Lê Hồng V**, sinh ngày: 04/4/1982; số định danh cá nhân: 038082019846; địa chỉ: Thôn A, xã T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Hồng V qua việc tìm hiểu, lấy nhau là do hai bên tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, đăng ký

kết hôn tại UBND xã X (nay là xã T), tỉnh Thanh Hóa vào ngày 19/04/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được hơn 01 năm, sau đó thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không có hạnh phúc, nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp, luôn bất đồng về quan điểm, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung trong gia đình. Chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm để vợ chồng chung sống nhưng không có kết quả, mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Đến tháng 07/2013 thì vợ chồng sống ly thân, không còn qua lại, quan tâm đến nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, nên đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn.

Về con chung: Chị Trần Thị H xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Thị H1, sinh ngày 14/02/2013. Từ khi vợ chồng ly thân thì cháu H1 ở với chị. Ly hôn, nguyện vọng của chị H là xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H trình bày: Hiện tại chị đang đi làm tại Công ty sản xuất nhựa, thu nhập bình quân từ 9.000.000đ - 10.000.000đ/tháng, có đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Chị Trần Thị H xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Hồng V hiện đang cư trú tại thôn A, xã T, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình giải quyết vụ án, đã được Tòa án triệu tập họp lệ để lấy lời khai; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia tố tụng tại các phiên tòa, nhưng bị đơn đều không đến Tòa án làm việc, vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, nên Tòa án không lấy được lời khai.

Tại Biên bản xác minh lập ngày 15/12/2025, đại diện UBND xã T cho biết:

Chị Trần Thị H và anh Lê Hồng V1 quan hệ là vợ chồng. Chị H2 anh V đã đăng ký kết hôn tại UBND xã X (nay là xã T) vào ngày 19/4/2012, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 015. Quá trình chung sống vợ chồng chị H và anh V có 01 con chung là cháu Lê Thị H1, sinh ngày 14/02/2013. Về mâu thuẫn giữa vợ chồng, địa phương không nắm bắt được vì gia đình không báo cáo và không yêu cầu hòa giải ở cơ sở.

Tại Biên bản xác minh lập ngày 08/12/2025, đại diện Công an xã T cho biết:

Chị Trần Thị H2 anh Lê Hồng V2 chỉ: Thôn A, xã T, tỉnh Thanh Hóa có quan hệ vợ chồng. Anh Lê Hồng V3 nay đang có mặt tại địa phương; anh V4 thuê cho công ty V6 thôn A, xã T, tỉnh Thanh Hóa

Tại “Bản tự khai” do cháu Lê Thị H1 viết ngày 18/12/2025 gửi Tòa án, có trình bày thể hiện nguyện vọng là lâu nay cháu đang ở với mẹ, nếu bố mẹ ly hôn thì cháu xin được ở với mẹ (chị H) để ổn định cuộc sống.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, như sau:

I. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Đã thực hiện các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

II. Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị H

- Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Lê Hồng V

- Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Thị H1, sinh ngày 14/02/2013 cho chị Trần Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê Hồng V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Lê Hồng V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản và công nợ: Không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Trần Thị H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị H khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Lê Hồng V, hiện đang cư trú tại: Thôn A, xã T, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thanh Hoá.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Trần Thị H3 đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Lê Hồng V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Lê Hồng V tự nguyện kết hôn, đã được UBND xã X (nay là xã T) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 015, ngày 19/4/2012, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh V là hôn nhân hợp

pháp. Trong quá trình chung sống, tình cảm giữa vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng về quan điểm, không có tiếng nói chung trong gia đình. Từ tháng 07/2013 vợ chồng đã sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, chị H một mực đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn; Anh V đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết được Tòa án đang thụ lý giải quyết quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng, nhưng không đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm, cũng như tham gia các phiên hòa giải và phiên tòa, điều đó thể hiện anh V không có thiện chí hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng. Do đó, có đủ cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị H, xử cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Lê Hồng V.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Lê Hồng V có 01 con chung là cháu Lê Thị H1, sinh ngày 14/02/2013.

Xét: Con chung là cháu Lê Thị H1 hiện nay đang ở với chị H; quá trình giải quyết vụ án chị H có ý kiến xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và đã chứng minh được các điều kiện để nuôi con; Anh V thì không đến Tòa án làm việc, không trình bày quan điểm về nuôi con chung; Ngoài ra, xét con chung là cháu H1 đã trên 7 tuổi và có ý kiến thể hiện nguyện vọng là xin được ở với mẹ (chị H4 ổn định sinh hoạt. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, cần thiết giao con chung cho chị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung, xét đây là sự tự nguyện của chị H và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được chấp nhận. Do đó, anh V5 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị Trần Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh Lê Hồng V không có lời khai trong hồ sơ. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. *Về hôn nhân*: Xử cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Lê Hồng V

2. *Về con chung*: Chị Trần Thị H và anh Lê Hồng V có 01 (một) con chung là cháu Lê Thị H1, sinh ngày 14/02/2013.

Giao con chung là cháu Lê Thị H1 cho chị Trần Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê Hồng V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Lê Hồng V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản và công nợ*: Không xem xét.

4. *Về án phí*: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị H đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002653 ngày 05/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Như vậy, chị Trần Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 8 - Thanh Hoá;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã Thọ Lập;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Minh Tiến